ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG THCS CHÁNH HƯNG

NỘI DUNG KIẾN THỨC KHỐI 6 - TUẦN 14+15

MÔN TOÁN KHỐI 6 TUẦN 14

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 6	**CHƯƠNG 2: SỐ NGUYÊN** **BÀI 1: SỐ NGUYÊN ÂM VÀ TẬP HỢP CÁC SỐ NGUYÊN**
Hoạt động 1: Khám phá bài học mới – Ví dụ	**1.Làm quen với số nguyên âm :** a) - - *Hình a* 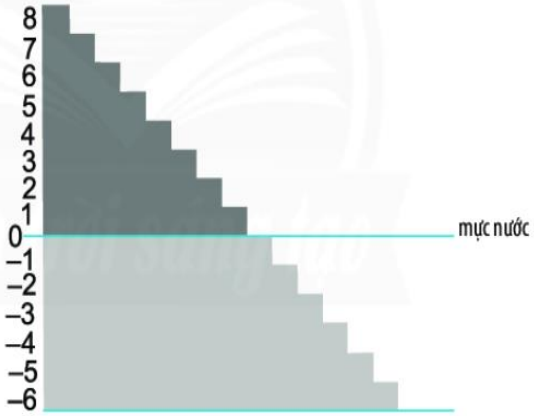 *Hình b* b) Các độ cao mang dấu trừ thì nằm ở dưới mực nước biển. **Ghi nhớ:** Số nguyên âm được ghi như sau: – 1; – 2; – 3; ….và được đọc là âm một; âm hai; âm ba;…hoặc trừ một; trừ 2; trừ 3;…. * *Ví dụ:* Các số nguyên âm chỉ nhiệt độ dưới 0^0C như : – 4^0C, – 10^0C, – 23^0C - Đọc là: âm bốn độ C, âm mười độ C, âm hai mươi ba độ C (hoặc trừ bốn độ C, trừ mười độ C, trừ hai mươi ba độ C). **2. Tập hợp số nguyên:** **Ghi nhớ:** Tập hợp số nguyên là tập hợp gồm các số nguyên âm, số 0 và các số nguyên dương Tập hợp số nguyên là tập hợp gồm các số tự nhiên và số nguyên âm *Ta kí hiệu tập hợp số nguyên là Z. Kí hiệu: Z= {…; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3; …} *Ví dụ:* $-9 \in Z$; $0 \in Z$; $3 \in Z$ **3. Biểu diễn số nguyên trên trục số:** 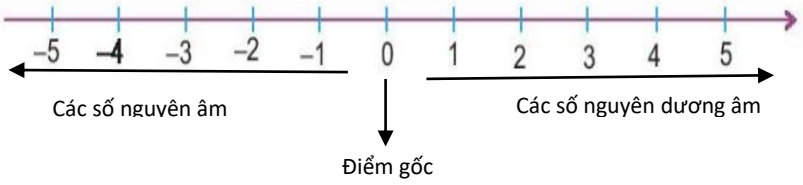

4. Số đối của một số nguyên:

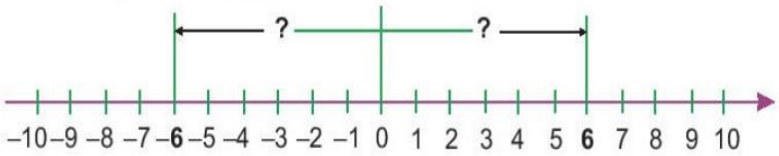

Ghi nhớ: Hai số nguyên trên trục số nằm ở hai phía của điểm 0 và cách đều điểm 0 gọi là hai số đối nhau.

** Ví dụ:* Số đối của 6 là – 6 ; Số đối của -4 là 4 ; Số đối của 0 là 0

** Ví dụ:* Số đối của 6 là – 6 ; Số đối của -4 là 4 ; Số đối của 0 là 0

Vận dụng- Luyện tập

VẬN DỤNG

Bài 1. Mẹ Lan bán rau ở ngoài chợ, Lan giúp mẹ ghi lại số tiền lãi, lỗ trong một tuần như sau:

Ngày	3/9	4/9	5/9	6/9	7/9	8/9	9/9
Tiền lãi, lỗ	Lãi 200 nghìn đồng	Lỗ 50 nghìn đồng	Lãi 180 nghìn đồng	Lãi 90 nghìn đồng	Lỗ 80 nghìn đồng	Hoà vốn	Lãi 140 nghìn đồng

Hãy nêu các số nguyên chỉ số tiền lãi, lỗ trong tuần.

Giải :

Ngày	3/9	4/9	5/9	6/9	7/9	8/9	9/9
Số tiền lãi, lỗ (đồng)	200000	-50000	180000	90000	–80000	0	140000

Bài 1. Một nhà giàn DK1 trên vùng biển Đông của Việt Nam có 3 phần trên mặt nước và 3 hệ thống chân đỡ có độ cao như sau:

Bộ phận nhà giàn	Phần 3 chân đỡ	Phần 2 chân đỡ	Phần 1 chân đỡ	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 3
Độ cao	Dưới mực nước biển 15 m	Dưới mực nước biển 9 m	Dưới mực nước biển 4 m	Trên mực nước biển 8 m	Trên mực nước biển 18 m	Trên mực nước biển 25 m

Hãy nêu các số nguyên chỉ độ cao của mỗi bộ phận nhà giàn

Giải:

Bộ phận nhà giàn	Phần 3 chân đỡ	Phần 2 chân đỡ	Phần 1 chân đỡ	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 3
Độ cao (m)	-15	-9	-4	8	18	25

1. Dùng số nguyên thích hợp để diễn tả các tình huống sau:

a) Thưởng 5 điểm trong một cuộc thi đấu.

b) Bớt 2 điểm vì phạm luật.

c) Tăng 1 bậc lương do làm việc hiệu quả.

d) Hạ 2 bậc xếp loại do thi đấu kém.

2. Các phát biểu sau đúng hay sai?

a) $9 \in \mathbb{N}$; b) $-6 \in \mathbb{N}$; c) $-3 \in \mathbb{Z}$;

d) $0 \in \mathbb{Z}$; e) $5 \in \mathbb{Z}$; g) $20 \in \mathbb{N}$.

3. Số nguyên nào thích hợp cho các ô trống sau.

a) 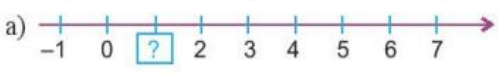

5. Hãy vẽ một trục số rồi vẽ trên đó những điểm nằm cách điểm 0 hai đơn vị. Những điểm này biểu diễn các số nguyên nào?

6. Tìm số đối của các số nguyên sau: –5; –10; 4; –4; 0; –100; 2021.

Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 6

BÀI 2. THỨ TỰ TRONG TẬP HỢP CÁC SỐ NGUYÊN

Hoạt động 1: Khám phá bài học mới – Ví dụ

1. So sánh hai số nguyên

Ghi nhớ : Khi biểu diễn hai số nguyên a, b trên trục số nằm ngang, nế điểm a nằm bên trái điểm b thì ta nói a nhỏ hơn b hoặc b lớn hơn a và ghi là: a < b hoặc b > a.

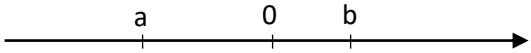

- Mọi số nguyên dương đều lớn hơn 0.
- Mọi số nguyên âm đều nhỏ hơn 0.
- Mọi số nguyên âm đều nhỏ hơn bất kì số nguyên dương nào.
- Với hai số nguyên âm, số nào có số đối lớn hơn thì nhỏ hơn.

Ví dụ 1

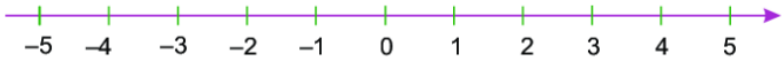

Số – 5 nằm bên trái số – 4 vậy – 5 < – 4 hoặc – 4 > – 5.

Tương tự: – 4 < 2; – 3 < 0; 5 >– 1; 0 >– 2…

2. Thứ tự trong tập hợp số nguyên

Ví dụ 1: Các số được viết theo thứ tự tăng dần: - 5; - 2; 0; 2; 4

(hoặc viết – 5< - 2 < 0 <2 <4)

Ví dụ 2 : Sắp xếp các số nguyên theo thứ tự tăng dần -15, -11; -3; 0; 4; 8; 12; 22

(hoặc viết: -15< -11< -3 < 0 < 4 < 8 < 12 < 22)

Vận dụng- Luyện tập

LUYỆN TẬP

Câu 1. So sánh các cặp số sau:

a) – 15 và 8 b) 7 và 13

c) – 25 và – 18 d) 32 và – 6

e) – 27 và 0 g) 0 và 11

Câu 2. Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: - 17; 8, -32; 0; -16; 11; 34; -1.

Câu 3. Em hãy sắp xếp từ thấp đến cao các vùng, địa danh sau:

+ Độ cao đỉnh núi Phan-xi-păng là 3143 mét;

	+ Độ cao của đáy vịnh Cam Ranh là – 30 mét; + Độ cao của thành phố Đà Lạt là 1500 mét; + Độ cao đáy vực Mariana (Mỹ) là –11 034 mét. **Câu 4.** Hãy liệt kê các phần tử của mỗi tập hợp sau: $a) A=\{x\in\mathbb{Z} \mid -7<x<-2\}$; $b) B=\{y\in\mathbb{Z} \mid -4<x\le -2\}$; $c)\ C=\{a\in\mathbb{Z} \mid -6<x<0\}$; $d)\ D=\{b\in\mathbb{Z} \mid -2\le x<7\}$.
Hoạt động 2: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.***	- Học sinh hoàn thành phiếu học tập (trả lời câu hỏi ngắn tuần tự về nội dung bài học, điền khuyết, trắc nghiệm, ….) - Học sinh hoàn thành bài tập về nhà có trong SGK hoặc bài tập do giáo viên soạn - Học sinh nộp bài cho giáo viên qua các phần mềm dạy học online, như: trang lophoc.hcm.edu.vn, Classroom,… - GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh thông qua các báo cáo của nhóm trưởng hoặc qua các hình ảnh, sản phẩm học tập mà học sinh nộp. GV nhận xét và đánh giá.

NỘI DUNG KIẾN THỨC TUẦN 14

(Từ 06/12 đến 11/12)

MÔN: HÌNH HỌC. KHỐI 6

NỘI DUNG	**GHI CHÚ**
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 6	**LUYỆN TẬP** **HÌNH CHỮ NHẬT - HÌNH THOI - HÌNH BÌNH HÀNH - HÌNH THANG CÂN**
Hoạt động 1: **Vận dụng- Luyện tập**	**<u>Bài 1</u>.** Vẽ hình chữ nhật ABCD biết AB = 5cm, AD = 8cm. ***Giải:*** - Dùng thước thẳng vẽ đoạn thẳng AD=8cm. - Dùng ê ke và thước kẻ đường AB vuông góc với AD tại A và AB=5cm, sau đó kẻ đường CD vuông góc với AD tại D và CD=5cm. - Nối B với C ta được tứ giác ABCD là hình chữ nhật cần vẽ. 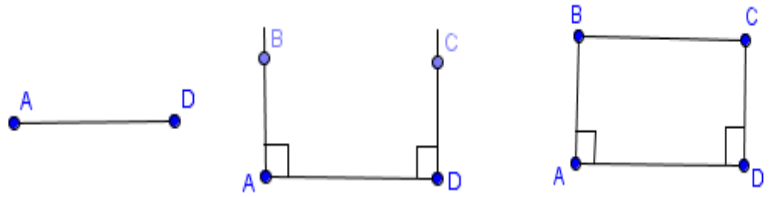 **<u>Bài 2</u>.** Vẽ hình bình hành MNPQ biết MN=3cm, NP=4cm. ***Giải***: - Vẽ đoạn thẳng MN = 3 cm. - Từ điểm N, vẽ đoạn thẳng NP = 4 cm (sao cho NP **không** nằm trùng lên MN). - Từ điểm P, vẽ đường thẳng song song với MN. Từ điểm M, vẽ đường thẳng song song với NP. Hai đường thẳng này cắt nhau tại Q. - Ta được tứ giác MNPQ là hình bình hành cần vẽ. 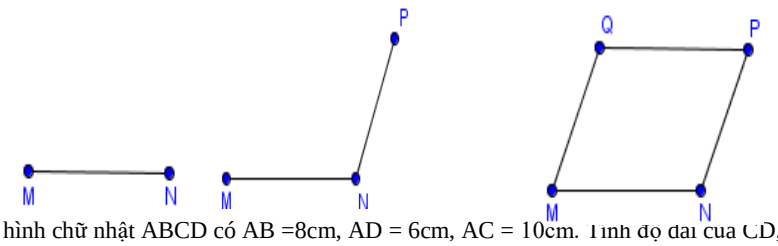 **<u>Bài 3</u>**: Vẽ hình chữ nhật ABCD có AB =8cm, AD = 6cm, AC = 10cm. Tính độ dài của CD, BC, BD. **<u>Bài 4:</u>** Vẽ hình thoi MNPQ có PQ = 10 cm. Tính độ dài của MN, NP, MQ.

	Bài 5: Vẽ hình bình hành MNPQ có MN = 6cm, NP = 5cm. Tính độ dài của PQ, MQ. **Bài 6:** Cho hình thang cân ABCD với cạnh đáy là AB và CD. Biết BD = 6cm, BC = 4cm. Hãy tính AC, AD.
Hoạt động 2: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.***	- Học sinh hoàn thành phiếu học tập (trả lời câu hỏi ngắn tuần tự về nội dung bài học, điền khuyết, trắc nghiệm, ….) - Học sinh hoàn thành bài tập về nhà có trong SGK hoặc bài tập do giáo viên soạn - Học sinh nộp bài cho giáo viên qua các phần mềm dạy học online, như: trang lophoc.hcm.edu.vn, Classroom,… - GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh thông qua các báo cáo của nhóm trưởng hoặc qua các hình ảnh, sản phẩm học tập mà học sinh nộp. GV nhận xét và đánh giá.

NỘI DUNG KIẾN THỨC TUẦN 14

(Từ 06/12 đến 11/12)

MÔN: THỐNG KÊ. KHỐI 6

NỘI DUNG	**GHI CHÚ**
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 6	**BÀI 4: BIỂU ĐỒ CỘT – BIỂU ĐỒ CỘT KÉP**
Hoạt động 1: Khám phá bài học mới – Ví dụ	**1. Biểu đồ cột** ***a. Đọc biểu đồ cột*** **Ghi nhớ:** Khi đọc biểu đồ cột, ta nhìn theo một trục để đọc danh sách các đối tượng thống kê (VD: trục ngang) và nhìn theo trục còn lại để đọc số liệu thống kê tương ứng với các đối tượng đó (VD: trục dọc) ** Ví dụ 1: trang 110-SGK* *Ví dụ 2:* Cho biểu đồ cột: 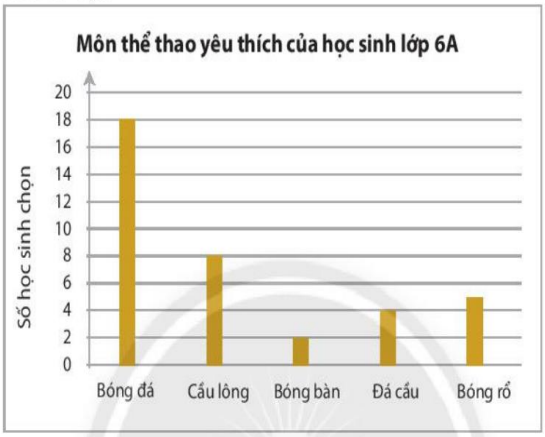 *Hình 3* Từ biểu đồ cột trên đây, ta có bảng thống kê sau: **Các môn thể thao học sinh lớp 6A chọn** **Môn thể thao** | Bóng đá | Cầu lông | Bóng bàn | Đá cầu | Bóng rổ **Số học sinh chọn** | 18 | 8 | 2 | 4 | 5 ***b) Vẽ biểu đồ cột*** ***Ghi nhớ:***

Để vẽ biểu đồ cột biểu diễn bảng số liệu, ta thực hiện các bước sau:

Bước 1: Vẽ hai trục ngang và dọc vuông góc với nhau:

– Trục ngang: Ghi danh sách đối tượng thống kê.

– Trục dọc: Chọn khoảng chia thích hợp với dữ liệu và ghi số ở các vạch chia.

Bước 2: Tại vị trí các đối tượng trên trục ngang, vẽ những cột hình chữ nhật:

– Cách đều nhau;

– Có cùng chiều rộng;

– Có chiều cao thể hiện số liệu của các đối tượng, tương ứng với khoảng chia trên trục dọc.

Bước 3: Hoàn thiện biểu đồ:

– Ghi tên biểu đồ.

– Ghi tên các trục và ghi số liệu tương ứng trên mỗi cột (nếu cần).

Ví dụ 3: Từ bảng số liệu chi phí sinh hoạt trong một tháng của gia đình bạn Mai:

Mục chi tiêu	Chi phí (đồng)
Ăn uống	4 000 000
Giáo dục	2 500 000
Điện, nước	1 500 000
Các khoản khác	2 000 000

Ta vẽ được biểu đồ cột (Hình 5) như sau:

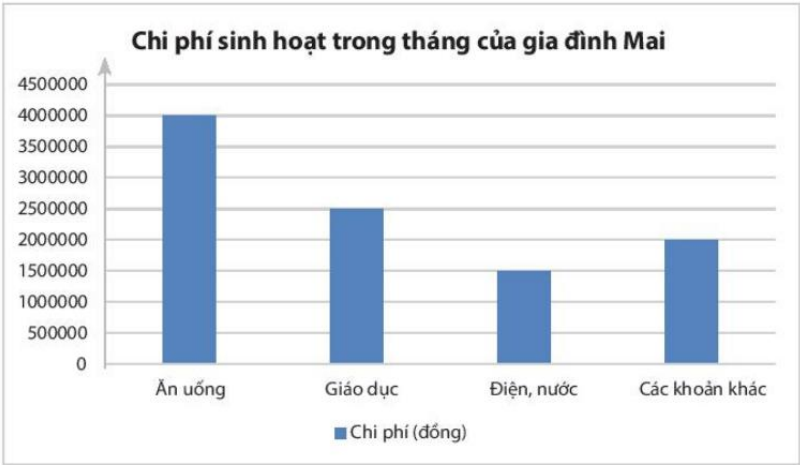

Hình 5

2. Biểu đồ kép:

a. Đọc biểu đồ cột kép

Ghi nhớ: Đọc biểu đồ cột kép tương tự như đọc biểu đồ cột, nhưng lưu ý với mỗi đối tượng thống kê, ta thường đọc một cặp số liệu để tiện só sánh sự hơn kém, tăng giảm.

Ví dụ 1:

a) Biểu đồ cột kép trên cho ta biết sĩ số học sinh đầu năm và cuối năm của khối lớp 6

b) Trong các lớp nêu trên, lớp có sĩ số tăng là: lớp 6A2, lớp có số học sinh giảm là lớp 6A1 và lớp 6A3, lớp có sĩ số không đổi là lớp 6A4

c) Số lượng học sinh thay đổi của lớp 6A1: 35-30 = 5 (HS)

Số lượng học sinh thay đổi của lớp 6A2: 34-31 = 3 (HS)

Số lượng học sinh thay đổi của lớp 6A3: 40 - 36 = 4 (HS)

Vậy lớp 6A1 có số lượng học sinh thay đổi nhiều nhất

a. Vẽ biểu đồ cột kép

Ghi chú: Các vẽ biểu đồ cột kép tương tự như cách vẽ biểu đồ cột. Nhưng tại vị trí ghi mỗi đối tượng trên trục ngang, ta vẽ hai cột sát cạnh nhau thể hiện hai loại số liệu của đối tượng đó. Các cột thể hiện của cùng một bộ dữ liệu của các đối tượng thường được tô chung một màu để thuận tiện cho việc đọc biểu đồ.

Ví dụ: Từ bảng thống kê số liệu về dân số Việt Nam và Thái Lan sau đây:

(*Nguồn:* https://www.google.com/publicdata/explore)

Năm	Ước tính dân số Việt Nam (triệu người)	Ước tính dân số Thái Lan (triệu người)
1979	53	47
1989	67	56
1999	79	62
2009	87	67
2019	93	69

Ta vẽ được biểu đồ cột kép như sau:

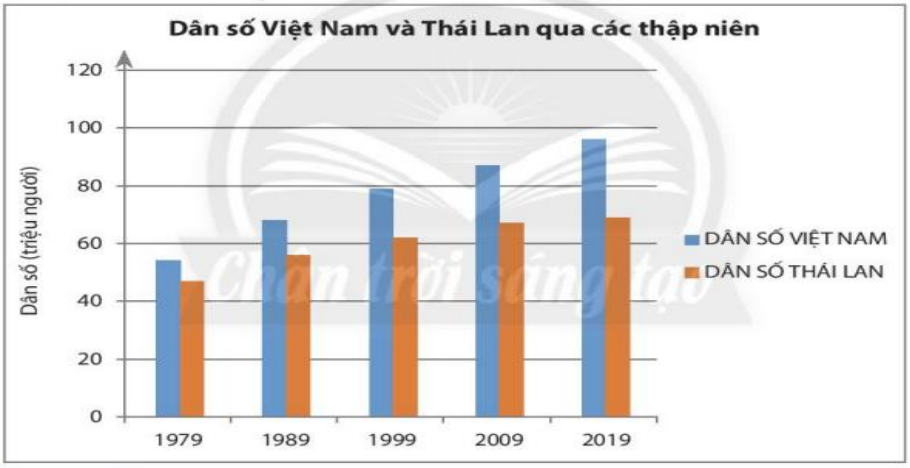

	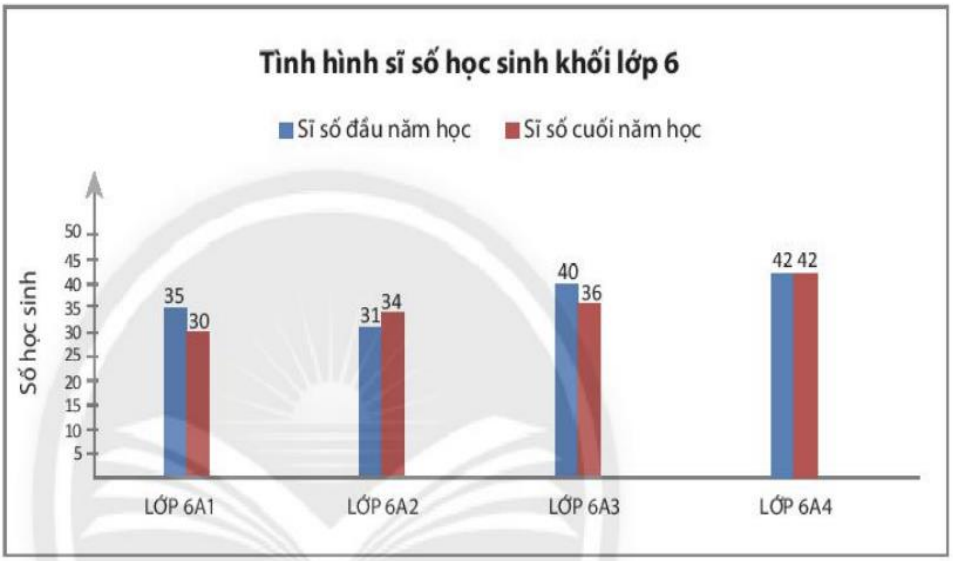 *Hình 8*
Hoạt động 2: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.***	- Học sinh hoàn thành phiếu học tập (trả lời câu hỏi ngắn tuần tự về nội dung bài học, điền khuyết, trắc nghiệm, ….) - Học sinh hoàn thành bài tập về nhà có trong SGK hoặc bài tập do giáo viên soạn - Học sinh nộp bài cho giáo viên qua các phần mềm dạy học online, như: trang lophoc.hcm.edu.vn, Classroom,… - GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh thông qua các báo cáo của nhóm trưởng hoặc qua các hình ảnh, sản phẩm học tập mà học sinh nộp. GV nhận xét và đánh giá.

MÔN TOÁN KHỐI 6 TUẦN 15

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 6	**BÀI 3. PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ HAI SỐ NGUYÊN**
Hoạt động 1: **Khám phá bài học mới – Ví dụ**	**1. Cộng hai số nguyên:** a) Muốn cộng hai số nguyên dương, ta cộng chúng như cộng hai số tự nhiên. Ví dụ: : (+2) + (+3) = 2 + 3 = 5 b) Muốn cộng hai số nguyên âm, ta cộng hai số đối của chúng rồi thêm dấu trừ đằng trước kết quả. Ví dụ: (- 2) + (- 3) = (- 5) **2. Cộng hai số nguyên khác dấu:** **a) Cộng hai số đối nhau:** Tổng hai số nguyên đối nhau bằng 0: *a + (- a) = 0* Ví dụ 1: (+ 4) + (- 4) = 0 Ví dụ 2: Số tiền trong thẻ tín dụng trả sau của bác Tám: - 2 000 000 đồng - Số tiền bác Tám nộp vào: + 2 000 000 đồng - Số tiền trong tài khoản của bác: - 2 000 000 + (+ 2 000 000) = 0 đồng **b) Cộng hai số nguyên khác dấu không đối nhau:** - Nếu số dương lớn hơn số đối của số âm thì ta lấy số dương trừ đi số đối của số âm. Ví dụ: a) (- 2) + (+ 6) = 4 b) 7 + (-5) = 2 - Nếu số dương bé hơn số đối của số âm, thì ta lấy số đối của của số âm trừ đi số dương rồi thêm dấu trừ trước kết quả. Ví dụ: a) (+ 2) + (- 6) = – 4 b) (-10) + (+2) = – 8 3. **Tính chất của phép cộng các số nguyên** **a. Tính chất giao hoán: a + b = b + a; a + 0 = 0 + a = a** **b. Tính chất kết hợp: (a + b) + c = a + (b + c)** * Chú ý: SGK/ 62

	Ví dụ: Thực hiện phép tính: a) 23 + (-77) + (-23) + 77 = [23 + (-23)] + [77 + (-77)] = 0 b) (-2020) + 2021 + 21 + (-22) = [(-2020) + (-22)] + (2021+21) =(-2042) + 2042 = 0 **4. Phép trừ hai số nguyên** - Muốn trừ số nguyên a cho số nguyên b, ta cộng a với số đối của b : **a – b = a + (- b)** Ví dụ : a) 2 – 5 = 2 + (–5) = –3. b) 6 – 9 = 6+ (–9) = –3 **5. Quy tắc dấu ngoặc** Khi bỏ dấu ngoặc, nếu đằng trước dấu ngoặc: * có dấu "+" thì vẫn giữ nguyên dấu của các số hạng trong ngoặc + (a + b – c) = a + b – c * có dấu "–" thì phải đổi dấu tất cả các số hạng trong ngoặc – (a + b – c) = – a – b + c Ví dụ: a) (– 35) + (–60) = –35 – 60 = –95 b) 23 – (–12) = 23 + 12 = 35 c) 37 – (25 + 37) = 37 – 25 – 37 = 37 – 37 – 25 = –25
Vận dụng- Luyện tập	**BÀI TẬP: Bài 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 trang 63 – 64 – SGK**
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 6	**BÀI 4: PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA HAI SỐ NGUYÊN**
Hoạt động 1: **Khám phá bài học mới – Ví dụ**	**1. Nhân hai số nguyên khác dấu** *Quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu* - Tích của hai số nguyên khác dấu luôn luôn là số âm - Khi nhân hai số nguyên khác dấu ta nhân số dương với số đối của số âm rồi thêm dấu " – " trước kết qủa nhận được. *<u>* Chú ý:</u>* **(+ a).(– b) = – a.b** **(–a).(+ b) = – a.b** **a.0 = 0 (a∈ Z)** *Ví dụ: Tính* $a)\ (-5).6 = -30$ $b)\ 9.(-3) = -27$ $c)\ (-2021).0 = 0$ **2. Nhân hai số nguyên cùng dấu** - Muốn nhân hai số nguyên cùng dương, ta nhân chúng như nhân hai số tự nhiên. - Khi nhân hai số nguyên cùng âm, ta nhân hai số đối của chúng. - Tích hai số nguyên cùng dấu luôn luôn là một số nguyên dương. *<u>* Chú ý:</u>* Cho hai số nguyên dương a và b, ta có: (–a).(–b) = (+ a).(+ b) = a.b Ví dụ: a) (+3).(+4) = 3.4 = 12 b) (-2).(-5) = 10 Cách nhận biết dấu của tích $(+).(+) \to (+)$ $(-).(-) \to (+)$ $(-).(+) \to (-)$ $(+).(-) \to (-)$ **3. Tính chất của phép nhân các số nguyên** a) Tính chất giao hoán: a.b = b.a Ví dụ: a) 4. (– 9) = – 36 b) 25.(–17).(– 4) = 25.(–4).(–17) = (–100).(–17) = 1 700 b) Tính chất kết hợp: (a . b) . c = a. (b . c) Ví dụ: $[33.(-4)].(-25) = 33.[(-4).(-25)]$ = 33 . 100 = 3 300 c) Tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng (phép trừ) a(b + c) = ab + ac a(b – c) = ab – ac Ví dụ: $(-5).27 + (-5).73$

Vận dụng- Luyện tập	$= (-5).(27+73)$ $= (-5).100 = -500$ **4. Quan hệ chia hết và phép chia hết trong tập hợp số tự nhiên.** Cho a, b ∈ Z và b ≠ 0. Nếu có số nguyên q sao cho a = b.q thì: - Ta nói a chia hết cho b, kí hiệu a ⋮ b. - Trong phép chia hết, dấu của thương hai số nguyên cũng giống như dấu của tích . Ta gọi q là thương của phép chia a cho b, kí hiệu a : b = q. Ví dụ: $(-5).7 = -35$ khi đó: – 35 chia hết cho –5 và $-35:(-5) = 7$ Vậy 7 là thương của phép chia –35 cho –5 **5. Bội và ước của số nguyên** Khi a ⋮ b (a, b ∈ Z, b ≠ 0), ta nói a là bội của b ; b là ước của a **Ví dụ:** 3 là ước của –12 vì –12 ⋮ 3 -35 là bội của –7 vì – 35 ⋮ (–7) * Để tìm các ước của số nguyên a, ta lấy các ước dương của a cùng với các số đối của chúng Ví dụ : Ư(20) = {–20; –10; –5; –4; –2; –1; 1; 2; 4 ; 5 ;10 ; 20} Làm bài tập: Bài 1: (Bài 4-SBT-CTST): a) Tìm các bội của 3; -3. b) Tìm tất cả các ước của mỗi số nguyên sau: 3; -6; 17; -35.
Hoạt động 2: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.***	- Học sinh hoàn thành phiếu học tập (trả lời câu hỏi ngắn tuần tự về nội dung bài học, điền khuyết, trắc nghiệm, ….) - Học sinh hoàn thành bài tập về nhà có trong SGK hoặc bài tập do giáo viên soạn - Học sinh nộp bài cho giáo viên qua các phần mềm dạy học online, như: trang lophoc.hcm.edu.vn, Classroom,… - GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh thông qua các báo cáo của nhóm trưởng hoặc qua các hình ảnh, sản phẩm học tập mà học sinh nộp. GV nhận xét và đánh giá.

NỘI DUNG KIẾN THỨC TUẦN 15
(Từ 13/12 đến 18/12)
MÔN: HÌNH HỌC. KHỐI 6

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 6	**LUYỆN TẬP** **HÌNH CHỮ NHẬT - HÌNH THOI - HÌNH BÌNH HÀNH** **- HÌNH THANG CÂN**
Hoạt động 1: **Vận dụng- Luyện tập**	***Câu hỏi 1.*** Trong các hình sau đây, hình nào là hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân? a. b. c. d. 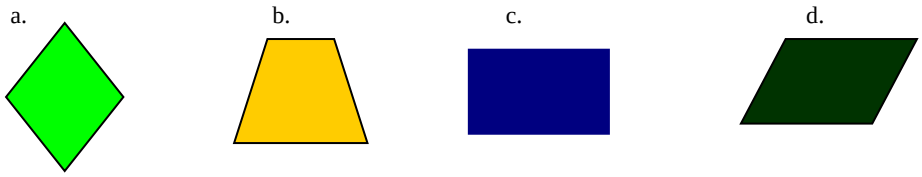 a. Hình ….. b. Hình …. c. Hình …. d. Hình …. ***Câu hỏi 2***. Đo rồi cho biết độ dài của các cạnh hình chữ nhật sau: 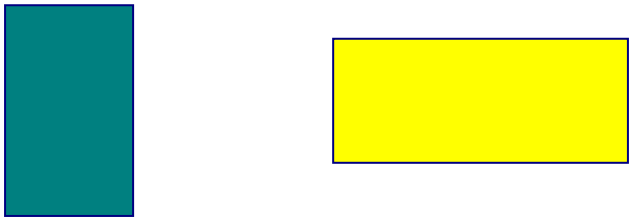 ***Câu hỏi 3.*** Điền vào chỗ trống: Hình chữ nhật ABCD có: - Bốn góc đỉnh A, B, C, D…….nhau và bằng……. - Hai…….bằng nhau và cắt nhau tại……của mỗi đường. Hình thoi ABCD có: - Bốn cạnh…… - Hai đường chéo……..với nhau. ***Câu hỏi 4.*** Điền vào chỗ trống: Hình bình hành ABCD có: - Hai cặp……bằng nhau.

	- Hai đường chéo cắt nhau tại…….. Hình thang cân ABCD có: - Hai cạnh đáy…….. - Hai cạnh bên…….. - Hai đường chéo…….. ***Câu hỏi 5.*** Cho hình thoi EGHK. Biết EG = 15cm, tính GH, HK, KE.
Hoạt động 2: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.***	- Học sinh hoàn thành phiếu học tập (trả lời câu hỏi ngắn tuần tự về nội dung bài học, điền khuyết, trắc nghiệm, ….) - Học sinh hoàn thành bài tập về nhà có trong SGK hoặc bài tập do giáo viên soạn - Học sinh nộp bài cho giáo viên qua các phần mềm dạy học online, như: trang lophoc.hcm.edu.vn, Classroom,… - GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh thông qua các báo cáo của nhóm trưởng hoặc qua các hình ảnh, sản phẩm học tập mà học sinh nộp. GV nhận xét và đánh giá.

NỘI DUNG KIẾN THỨC TUẦN 15
(Từ 13/12 đến 18/12)
MÔN: THỐNG KÊ. KHỐI 6

NỘI DUNG	**GHI CHÚ**
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 6	**LUYỆN TẬP BIỂU ĐỒ CỘT – BIỂU ĐỒ CỘT KÉP**
Hoạt động Vận dụng-Luyện tập	**1.** Hãy đọc thông tin về loại trái cây ưa thích của các bạn học sinh lớp 6A1 trong biểu đồ cột sau đây và lập bảng thống kê tương ứng. **Trái cây ưa thích của học sinh lớp 6A1** **Loại trái cây** – **Số học sinh ưa thích** Chuối – 16 Mận – 6 Cam – 10 Ổi – 8 BÀI TẬP: Bài 2, 3, 4, 5, 6 trang 116-117-SGK **2.** Câu lạc bộ học tiếng Nhật của trường THCS Đoàn Kết thống kê số học viên trong 4 năm liên tiếp trong bảng sau: **Năm**: 2017, 2018, 2019, 2020 **Số học viên**: 30, 40, 50, 60 a) Hãy vẽ biểu đồ cột biểu diễn số liệu ở bảng trên. b) Số lượng học viên tăng theo từng năm là bao nhiêu? c) So sánh số học viên năm 2020 và năm 2017.

3. Đọc biểu đồ cột kép biểu diễn điểm kiểm tra các môn học của hai bạn Lan và Hùng sau đây và nêu nhận xét của em.

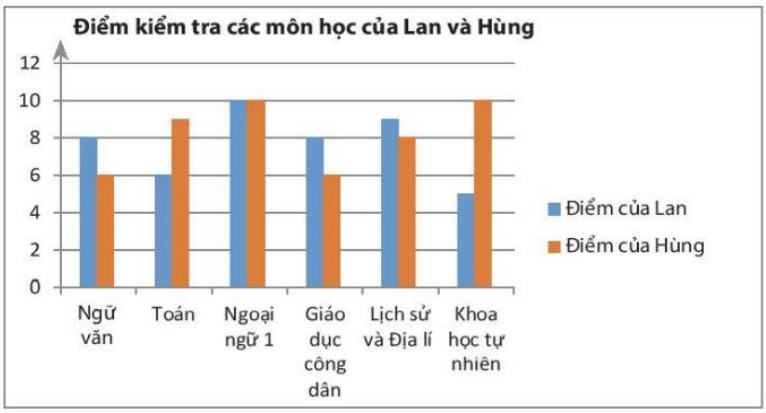

4. Vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn sĩ số học sinh đầu năm học và cuối năm học của bốn lớp khối 6 được cho trong bảng sau:

Lớp	Sĩ số đầu năm	Sĩ số cuối năm
6A1	32	30
6A2	35	38
6A3	35	35
6A4	40	38

5. Số lượng trường Trung học cơ sở (THCS) của 5 tỉnh miền Trung trong năm 2005 và 2015 (theo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2015) được cho trên biểu đồ cột kép sau:

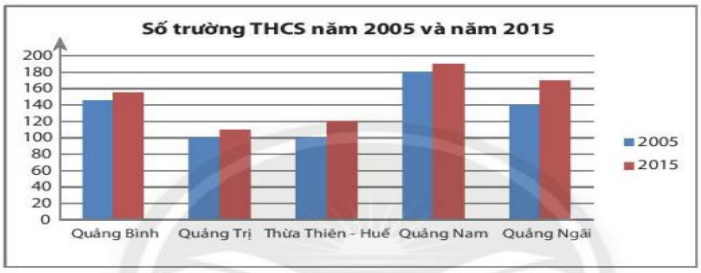

Hãy kiểm tra xem các khẳng định dưới đây là đúng hay sai.

a) Vào năm 2015, tỉnh Thừa Thiên – Huế có hơn 100 trường THCS.

b) Vào năm 2005, tỉnh Quảng Ngãi có nhiều trường THCS hơn tỉnh Quảng Bình.

c) Vào năm 2015, số trường THCS của tỉnh Quảng Nam nhiều hơn hai lần số trường THCS của tỉnh Quảng Trị.

d) Số trường THCS của các tỉnh năm 2015 đều cao hơn năm 2005.

6. Hãy nêu một tình huống thống kê trong lớp mà em có thể dùng biểu đồ cột kép để thể hiện dữ liệu và hãy thực hành vẽ biểu đồ cho tình huống đó.

Hoạt động 2: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.***	- Học sinh hoàn thành phiếu học tập (trả lời câu hỏi ngắn tuần tự về nội dung bài học, điền khuyết, trắc nghiệm, ….) - Học sinh hoàn thành bài tập về nhà có trong SGK hoặc bài tập do giáo viên soạn - Học sinh nộp bài cho giáo viên qua các phần mềm dạy học online, như: trang lophoc.hcm.edu.vn, Classroom,… - GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh thông qua các báo cáo của nhóm trưởng hoặc qua các hình ảnh, sản phẩm học tập mà học sinh nộp. GV nhận xét và đánh giá.

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN KHỐI 6 TUẦN 14

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	**BÀI 21: THỰC HÀNH QUAN SÁT SINH VẬT** **Dựa vào thông tin SGK thực hiện các nội dung sau:**
Hoạt	**1: Quan sát cơ thể đơn bào:**

<table>
<tr>
<td>động 1:
Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</td>
<td>
Các bước tiến hành:
Bước 1: Đặt vài sợi bông lên lam kính, dàn mỏng, đều.
Bước 2: Dùng pitpette hút nước trong lọ chứa mẫu vật và nhỏ 1 giọt lên lam kính đã có sẵn những sợi bông.
Bước 3: Đậy lamen để lam kính, dung giấy thấm thấm nước tràn ra ngoài lamen.
Bước 4: Quan sát tiêu bản dưới kính hiển vi với vật kính 10x, 40x, và vẽ lại tế bào đã quan sát được.
2: Quan sát các cơ quan cấu tạo cây xanh:
Chuẩn bị các mẫu vật thật bao gồm: Cây cà rốt, cây hành tây, cây lạc, cây bắt cải, một số cây cảnh nhỏ (sen đá, xương rồng,…)
Bước 2: Xác định các cơ quan , hệ cơ quan cấu tạo nên cây xanh ở mẫu vật.
Ghi lại tên các cơ quan của cây xanh theo mẫu sau:
<table>
<tr><td>Tên cây xanh</td><td>Tên cơ quan</td><td>Vị trí</td><td>Chức năng chính</td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>
3: Quan sát mô hình cấu tạo cơ thể người (mô hình tháo -lắp)
Bước 1: Đặt mô hình vào vị trí thích hợp
Bước 2: Quan sát tổng thể các thành phẩm cấu tạo cơ thể người.
Bước 3: Quan sát các cơ quan, hệ cơ quan bằng cách tháo dần các bộ phận của mô hình.
Bước 4: Ghi lại tên các cơ quan, vị trí, chức năng của từng cơ quan vào bảng sau:
<table>
<tr><td>Tên cơ quan</td><td>Vị trí</td><td>Chức năng chính</td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>
Bước 5: Lắp mô hình về dạng ban đầu
</td>
</tr>
<tr>
<td>Hoạt động 2:
Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</td>
<td>
Điền vào chỗ trống:
<table>
<tr><td>Nội dung</td><td>Kết quả</td></tr>
<tr><td>Quan sát cơ thể đơn bào trong nước ao, hồ, môi trường nuôi cấy và tranh/ảnh về sinh vật đơn bào</td><td>(HS vẽ hình sinh vật đơn bào)
Mô tả hình dạng ngoài, màu sắc của sinh vật đơn ,bào……
……
…….</td></tr>
<tr><td>Quan sát cây xanh qua ảnh hoặc mẫu vật thật và kể tên một số cơ quan, hệ cơ quan</td><td>Nêu tên một số cơ quan, hệ cơ quan ở cây xanh:
……
……
……
……
…….</td></tr>
<tr><td>Quan sát mô hình cấu tạo cơ thể người và kể tên một số cơ quan, hệ cơ quan</td><td>Kể tên một số cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể người:……
……
……
……</td></tr>
<tr><td>Quan sát mẫu vật/ tranh ảnh thực vật đã chuẩn bị</td><td>Xác định được những mẫu vật/ tranh ảnh thực vật đã quan sát có rễ, thân, lá biến dạng:</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

		…… …… …… …… ……

KHOA HỌC TỰ NHIÊN KHỐI 6 TUẦN 15

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	**Chủ đề 8:** **ĐA DẠNG THẾ GIỚI SỐNG** **Bài 22: PHÂN LOẠI THẾ GIỚI SỐNG**
Hoạt động 1: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.***	Chủ đề 8: ĐA DẠNG THẾ GIỚI SỐNG Bài 22: PHÂN LOẠI THẾ GIỚI SỐNG **I. Sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống:** - Phân loại thế giới sống là cách sắp xếp sinh vật vào một hệ thống theo trật tự nhất định dựa vào đặc điểm cơ thể. - Nhiệm vụ của phân loại thế giới sống là phát hiện, mô tả, đặt tên và sắp xếp sinh vật vào hệ thống. **II. Các bậc phân loại sinh vật:** - Bậc phân loại từ nhỏ đến lớp: loài (bậc cơ bản) → chi/giống → họ → bộ → lớp → ngành → giới. - Bậc càng nhỏ thì sự khác nhau giữa sinh vật cùng bậc càng ít. - Các cách gọi tên: tên phổ thông, tên khoa học, tên địa phương. III. Các giới sinh vật: gồm 5 giới: Khởi sinh, Nguyên sinh, Nấm, Thực vật, Động vật. **IV. Khóa lưỡng phân:** - Khóa lưỡng phân là cách phân loại sinh vật dựa trên một số điểm khác nhau để phân chia chúng thành hai nhóm.

	- Cách xây dựng: Xác định đặc điểm khác nhau của mỗi sinh vật → chia thành hai nhóm, mỗi nhóm chỉ có một sinh vật.
Hoạt động 2: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.***	1/ ***Việc phân loại thế giới sống có ý nghĩa gì đối với chúng ta?*** (1) Gọi đúng tên sinh vật. (2) Đưa sinh vật vào đúng nhóm phân loại. (3) Thấy được vai trò của sinh vật trong tự nhiên và thực tiễn. (4) Nhận ra sự đa dạng của sinh giới. A. (1), (2), (3). B. (2), (3), (4). C. (1), (2), (4). D. (1), (3), (4). ***2/Tiêu chí nào sau đây được dùng để phân loại sinh vật?*** (1)Đặc điểm tế bào. (2)Mức độ tổ chức cơ thể. (3)Môi trường sống. (4)Kiểu dinh dưỡng. (5)Vai trò trong tự nhiên và thực tiễn. A. (1), (2), (3), (5).B. (2), (3), (4), (5). c.(1),(2),(3),(4). D. (1), (3), (4), (5). ***3/ Các bậc phân loại sinh vật từ thấp đến cao theo trình tự nào sau đây?*** A. Loài —> Chi (giống) —> Họ —► Bộ —» Lớp —> Ngành —> Giới. B. Chi (giống) —» Loài —» Họ —> Bộ —> Lớp —> Ngành —> Giới, C. Giới —> Ngành —>Lớp —> Bộ —» Họ —> Chi (giống) -» Loài. D. Loài —> Chi (giống) —> Bộ —► Họ —> Lớp —> Ngành —> Giới. ***4/ Tên phổ thông của loài được hiểu là*** Cách gọi truyền thống của người dân bản địa theo vùng miền, quốc gia. Tên giống + Tên loài + (Tên tác giả, năm công bố). c. Cách gọi phổ biến của loài có trong danh mục tra cứu. D. Tên loài + Tên giống + (Tên tác giả, năm công bố). ***5/ Cấu tạo tế bào nhân thực, cơ thể đa bào, có khả năng quang hợp là đặc điểm của sinh vật thuộc giới nào sau đây?*** A. Khởi sinh. B. Nguyên sinh. C. Nấm. D. Thực vật

6/ Cho một số sinh vật sau: vi khuẩn E. coli, trùng roi, nấm men, nấm mốc, rêu, lúa nước, mực ống, san hô. Hãy sắp xếp các sinh vật sau vào các giới sinh vật bằng cách hoàn thành bảng sau:

Giới	Đại diện sinh vật
Khởi sinh	
Nguyên sinh	
Nấm	
Động vật	
Thực vật	

1/ Đáp án C.

2/ Đáp án C.

3/ Đáp án A.

4/ Đáp án C.

5/ Đáp án D.

6/

Giới	Đại diện sinh vật
Khởi sinh	Vi khuẩn £ coli

MÔN TIN HỌC KHỐI 6 TUẦN 14

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	**CHỦ ĐỀ C. TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN** **BÀI 4. THỰC HÀNH TÌM KIẾM THÔNG TIN TRÊN INTERNET**

Hoạt động 1: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.***	**1. Tìm thông tin hỗ trợ học tập** Bài 1. Tìm thông tin hỗ trợ học môn Địa lí Đọc yêu cầu và hướng dẫn SGK trang 41, 42 để thực hành bài 1 **2. Tìm thông tin hỗ trợ giải trí** Bài 2. Tìm thông tin hỗ trợ giải trí theo sở thích Thực hành 3 yêu cầu SGK trang 41 - Yêu cầu 1. Tìm thông tin về 3 địa điểm tham quan của thành phố Hạ Long và nếu những đặc điểm chính của những địa điểm đó. - Yêu cầu 2. Tìm một bài hát hoặc video mà em thích. Sau đó tóm tắt lại thông tin về tác giả, bối cảnh sáng tác, ca sĩ biểu diễn. - Yêu cầu 3. Tìm một bộ phim mà em yêu thích. Sau đó tóm tắt lại thông tin về đạo diễn, bối cảnh sáng tác, diễn viên.
Hoạt động 2: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.***	Tìm thông tin về đặc điểm của thư rác, thư chứa virus máy tính và cách đề phòng.

MÔN TIN HỌC KHỐI 6 TUẦN 15

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	**CHỦ ĐỀ C. TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN** **BÀI 5. GIỚI THIỆU THƯ ĐIỆN TỬ**
Hoạt động 1: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.***	**3. Thư điện tử** - Thư điện tử là phương tiện gửi và nhận thông điệp qua mạng máy tính. Thông điệp thư là văn bản số hóa và có thể đính kèm tệp. Ví dụ: Gmail, Yahoo mail, Outlook, Icloud Mail,.. - Địa chỉ email có dạng: *<tên đăng nhập>@<địa chỉ dịch vụ mail>* * <tên đăng nhập> gồm chữ cái, chữ số, dấu chấm viết liền không dấu * *<địa chỉ dịch vụ mail>* giống như địa chỉ web * Mật khẩu đăng nhập gồm chữ cái, chữ số, số hiệu khác Các mục chính trong cấu trúc mail * Địa chỉ mail của người gửi và người nhận. * Chủ đề mail. * Nội dung mail. * Tệp đính kèm **4. Lợi ích của việc sử dụng thư điện tử** + Soạn và gửi thư rất nhanh đến người nhận ở bất cứ ở đâu trên thế giới + Hoàn toàn miễn phí gửi thư chỉ cần có Internet + Tiết kiệm được giấy bút -> bảo vệ môi trường + Gửi đến nhiều người cùng lúc + Đính kèm lượng thông tin lớn 5. **Mặt trái và lưu ý khi sử dụng thư điện tử** + Cẩn thận với những người gửi mà em không rõ, tránh mở những mail chứa liên kết mà em nghi đó là virus + Hạn chế cung cấp địa chỉ mail bừa bãi để tránh thư rác + HS còn nhỏ tuổi sử dụng với mục đích học tập, trao đổi với bạn bè, người thân; không giao tiếp với người lạ **6. Sử dụng thư điện tử** ***a. Mở tài khoản thư điện tử*** **B1**: Khởi động trình duyệt web **B2:** Vào địa chỉ trang web gmail.com để mở tài khoản điện tử.

	B3: Chọn mục tạo tài khoản, điền đầy đủ thông tin đăng kí tài khoản. **b.** ***Các bước truy cập vào hộp thư điện tử*** **B1**: Truy cập trang web cung cấp dịch vụ thư điện tử. **B2:** Gõ tên đăng nhập (địa chỉ thư điện tử), mật khẩu vào mục đăng nhập → Enter ***** ***Để xem thư*** nào ta chỉ việc nháy chuột vào thư đó và đọc sau khi đăng nhập.
Hoạt động 2: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.***	**Câu 1:** Trong số các địa chỉ dưới đây, địa chỉ nào là địa chỉ thư điện tử? A. www.vnexpress.net B. vietjack@gmail.com C. http://www.mail.google.com D. www.dantri.com **Câu 2:** Thư điện tử có ưu điểm gì so với thư truyền thống : A. Thời gian gửi nhanh B. Có thể gửi đồng thời cho nhiều người C. Chi phí thấp D. Tất cả các ưu điểm trên. **Câu 3:** Em sưu tầm được nhiều ảnh đẹp muốn gửi cho bạn bè ở nhiều nơi em dùng dịch vụ gì? A. Thương mại điện tử; B. Đào tạo qua mạng; C. Thư điện tử đính kèm tệp; D. Tìm kiếm thông tin. **Câu 4:** Trình bày cú pháp địa chỉ thư điện tử tổng quát: A. < lop9b > @ < yahoo.com > B. < Tên đăng cập > @ < Tên máy chủ lưu hộp thư > C.< Tên đăng cập > @ < gmail.com > D.< Tên đăng cập > **Câu 5:** Địa chỉ thư điện tử được phân cách bởi kí hiệu: A. $ B. @ C.# D. &

MÔN VĂN KHỐI 6 TUẦN 14

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Trên bài học/ Chủ đề -Khối lớp 6	**VIẾT : KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA BẢN THÂN (2 TIẾT).**
Hoạt động 1: Giao nhiệm vụ Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu nội dung SGK/102	**I.YÊU CẦU VIẾT** **1.Kể lại một trải nghiệm của bản thân** là kiểu bài trong đó người viết kể về diễn biến của sự việc mà mình đã trải qua và để lại nhiều ấn tượng ,cảm xúc. **2.Bố cục của bài văn:** a.Mở bài : Giới thiệu được trải nghiệm b.Thân bài : Trình bày diễn biến sự việc. c.Kết bài : Nêu được ý nghĩa của trải nghiệm đối với người viết.
Hoạt động 2. NỘI DUNG BÀI HỌC. Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu văn bản trong SGK/103	**II – PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO** **1.Phân tích kiểu văn bản** **a.Ngôi kể thứ nhất** **b.Những sự việc chính**: + Làng tôi có con sông êm đầu chảy qua làng, chúng tôi thường rủ nhau tắm sông.

	+ Buổi trưa hôm ấy, sau khi đá bóng, đám trẻ rủ nhau ra sông tắm và nảy ra ý định tổ chức cuộc thi bơi giữa đám trẻ trong và ngoài làng. + Tôi nhận lời thách đấu, đã bơi nhanh và khi nhận ra đã bơi khá xa bờ. + Bỗng bắp chân bị chuột rút và đau đớn, tôi sợ hãi tột độ. + Một người làng đi câu cá gần đấy đã nghe tiếng kêu, nhanh chóng bơi ra và đưa tôi vào bờ. + Tôi rút ra bài học chỉ nên bơi lội ở nơi an toàn, có sự giám sát của người lớn. **c.Một số chi tiết có sử dụng yếu tố miêu tả**: + Vào mùa hè, nước sông thường cạn nên chúng tôi tung tăng bơi lội, trêu đùa rộn rã cả một góc sông. + Trận đấu diễn ra vô cùng căng thẳng, gay cấn, quyết liệt. -> Việc sử dụng yếu tố miêu tả giúp cho bài văn thêm sinh động, hấp dẫn, cuốn hút người đọc. **d. Nhân vật "tôi" đã nhận ra sau trải nghiệm ấy** là bài học sâu sắc, cần nghe lời người lớn và chỉ nên bơi lội ở nơi an toàn, có sự giám sát của người lớn. **e.Em rút ra được một số kinh nghiệm khi kể lại một trải nghiệm của bản thân:** + Dùng ngôi thứ nhất để kể + Kết hợp kể và miêu tả + Trình bày các sự việc theo trình tự hợp lí + Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân. + Bài văn phải đảm bảo bố cục 3 phần
Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu thực hiện viết các bước trong SGK/104,105.	**III – THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC.** *Đề bài: Viết một bài văn khoảng 400 từ kể về trải nghiệm của bản thân.* **1. Trước khi viết:** **a. Lựa chọn đề tài** Đề tài bài viết của em là... - Mục đích viết bài này của em là... - Người đọc bài viết này của em là... - Câu chuyện em chọn là... **b.Thu thập tư liệu.** **2. Tìm ý và lập dàn ý** **a.Tìm ý** - Trải nghiệm tôi định kể là gì? - Câu chuyện tôi sẽ kể là chuyện gì? Kể cho ai nghe? - Chuyện xảy ra ở đâu, khi nào? - Những sự kiện gì tôi còn nhớ? - Sự việc đã xảy ra có ý nghĩa gì đối với tôi? **b. Lập dàn bài** ***Mở bài** : Không gian thời gian xảy ra câu chuyện, cảm xúc *** Thân bài**

	- Địa điểm và thời điểm xảy ra câu chuyện, nhân vật …. - Sự kiện thứ nhất …..cảm xúc - Sự kiện thứ hai …..cảm xúc - Sự kiện thứ ba …..cảm xúc *.**Kết bài** - Ý nghĩa của trải nghiệm - Bài học kinh nghiệm **3. Viết bài** a. Viết đoạn mở bài b.Viết đoạn kết bài **4. Xem lại chỉnh sửa rút kinh nghiệm**
Hoạt động 3. Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học; GV hướng dẫn học sinh làm bài . HS hoàn tất bài tập.	*Kể về trải nghiệm của bản thân em.*

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ Chủ đề Khối lớp 6	**NÓI VÀ NGHE : KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA BẢN THÂN.**
Hoạt động 1. Giao nhiệm vụ - Giáo viên hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung kiến thức trong SGK/ 107,108.	**I.TRƯỚC KHI NÓI** **1.Chuẩn bị nội dung nói** - **Bước 1**: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói - **Bước 2**: Tìm ý, lập dàn ý - **Bước 3**: Luyện tập và trình bày + Nên đứng trước gương để luyện tập kể lại câu chuyện. + Chú ý sử dụng giọng điệu (cao, thấp, nhanh, chậm, to, nhỏ…) phù hợp với từng nhân vật, sự việc. + Kết hợp nét mặt, cử chỉ khi kể để tăng tính hấp dẫn cho câu chuyện. +Trình bày câu chuyện ngắn gọn, có trật tự rõ ràng, sử dụng các từ ngữ phù hợp với ngôn ngữ nói **-Bước 4**: Trao đổi, đánh giá.
Hoạt động 2. Luyện tập . - GV Hướng dẫn học sinh thực hành.	**II. TRÌNH BÀY NÓI** **1.Hoạt động nói:** - Phần mở đầu: lời chào, lời giới thiệu - Phần nội dung Kể lại một ... - Phần kết thúc: lời chào, lời cảm ơn, mong muốn nhận được góp ý trao đổi của các bạn. **2. Yêu cầu nói:** - Nói đúng mục đích - Nội dung có mở đâu và kết thúc hợp lí - Nói to, rõ ràng,truyền cảm, có ngữ điệu thu hút sự chú ý lôi

	cuốn người nghe. **III. SAU KHI NÓI** -Trao đổi về bài nói : Đánh giá theo bảng kiểm .
<u>Hoạt động 3. Kiểm tra, đánh giá</u> GV hướng dẫn học sinh làm bài.	Học sinh đóng vai nhân vật Dế Mèn kể lại câu chuyện "Bài học đường đời đầu tiên".

***MỤC DẶN DÒ:**
- Các em ghi chép kiến thức trọng tâm vào vở học trên lớp.
- Chuẩn bị bài tuần 15
+ Ôn tập (1 tiết) .
+ Đọc : Lao xao ngày hè (2 tiết).
+ Đọc : Thương nhớ bầy ong (1 tiết).

MÔN VĂN KHỐI 6 TUẦN 15

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ Chủ đề Khối lớp 6	**TIẾT 57: ÔN TẬP**
Bài 1: Bảng tóm tắt nội dung chính của 3 văn bản.	

Bài 4: Vẽ sơ đồ và điền những đặc điểm của kiểu bài *"kể lại một trải nghiệm của bản thân".*	
	Các bài tập còn lại ở trang 109/sgk học sinh tự làm

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Trên bài học/ Chủ đề -Khối lớp 6	**BÀI 5: TRÒ CHUYỆN CÙNG THIÊN NHIÊN** **Tiết 58, 59: LAO XAO NGÀY HÈ** **(Trích: Tuổi thơ im lặng)**
Hoạt động 1: Giao nhiệm vụ Đọc phần trải nghiệm cùng văn bản- Đoạn trích : "Lao xao ngày hè" -Tìm hiểu về tác giả ,các đặc điểm về thể loại, ngôi kể và phương thức biểu đạt.	**I.TÌM HIỂU CHUNG** **1.Tác giả**: - Duy Khán (1934 – 1993) - Tên khai sinh: Nguyễn Duy Khán - Quê: Quế Võ, Bắc Ninh - Ông là nhà văn, nhà báo **2. Tác phẩm** - Văn bản được trích từ chương 6 của tập "Tuổi thơ im lặng". - "***Tuổi thơ im lặng***" - Tác phẩm được giải thưởng Hội nhà văn 1987, được viết từ năm 1977 đến 1984, là món quà ông dành tặng quê hương và những người thân yêu. **- Thể loại:** Kí

	- **Ngôi kể:** Ngôi thứ nhất. - **Phương thức biểu đạt:** Miêu tả kết hợp biểu cảm và tự sự.

MÔN SỬ KHỐI 6 TUẦN 14

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 6	**BÀI 13: GIAO LƯU THƯƠNG MẠI VÀ VĂN HÓA Ở ĐÔNG NAM Á TỪ ĐẦU CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X**
Hoạt động 1: Học sinh đọc sách giáo khoa (hoặc xem SGK trực tuyến), trả lời các câu hỏi in nghiêng.	**I. QUÁ TRÌNH GIAO LƯU THƯƠNG MẠI.** - Vào mười thế kỷ đầu Công nguyên, nhu cầu trao đổi hàng hoá từ Trung Hoa, Ấn Độ và Địa Trung Hải đã thúc đẩy các thương nhân đẩy mạnh giao lưu thương mại với Đông Nam Á. + Là nơi cung cấp nước ngọt, lương thực. + Là nơi trao đổi những sản vật có giá trị như: hồ tiêu, đậu khấu, ngọc trai, san hô, đặc biệt là trầm hương – một mặt hàng có giá trị cao. - Quá trình này có tác động to lớn: giúp các vương quốc cổ phát triển hùng mạnh, hoạt động buôn bán diễn ra mạnh mẽ qua các cảng thị tạo điều kiện cho giao lưu văn hoá tiếp sau. **II. QUÁ TRÌNH GIAO LƯU VĂN HÓA.** - Theo con đường giao lưu thương mại, các nền văn hoá ngoài khu vực lan toả vào Đông Nam Á – nổi bật là văn hoá Ấn Độ, qua tôn giáo, chữ viết và kiến trúc: + Tôn giáo: Đạo Phật và Hindu giáo (Bà-la-môn giáo) ảnh hưởng vào Phù Nam, Chân Lạp, Champa + Chữ viết; Chữ Phạn ảnh hưởng mạnh, hình thành chữ Khmer cổ, chữ Malay cổ, chữ Chăm cổ + Kiến trúc: có ảnh hưởng mạnh, đó là bia đá, thánh địa Mỹ Sơn, đền tháp Borobudur
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Phân tích những tác động chính của quá trình giao lưu thương mai và văn hóa ở Đông Nam Á trong mười thế kỉ đầu công nguyên?

PHẦN ĐỊA LÍ

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 6	**BÀI 7: CHUYỂN ĐỘNG QUAY QUANH MẶT TRỜI CỦA TRÁI ĐẤT VÀ HỆ QUẢ (Tiết 2)**

Hoạt động 1: Học sinh đọc sách giáo khoa (hoặc xem SGK trực tuyến), trả lời các câu hỏi in nghiêng.	**II. Hệ quả chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời** **1. Hiện tượng mùa** -Nguyên nhân sinh ra hiện tượng mùa là do trục Trái Đất nghiêng và gần như không đổi hướng khi Trái đất chuyển động trên quỹ đạo quanh Mặt trời. Khi ấy lần lượt bán cầu Bắc và bán cầu Nam ngã về phía Mặt Trời. +Bán cầu nào ngã về phía Mặt Trời nhiều hơn thì nhận được nhiều nhiệt và ánh sáng hơn, lúc này là mùa nóng. +Bán cầu nào ngã về phía Mặt Trời ít hơn thì nhận được ít nhiệt và ánh sáng hơn, lúc này là mùa lạnh. - Như vậy , trong cùng một thời điểm mùa ở hai bán cầu trái ngược nhau. **2. Hiện tượng ngày, đêm dài ngắn theo mùa:** -Do đường phân chia sáng tối không trùng với trục Trái Đất nên các địa điểm ở bán cầu Bắc và bán cầu Nam có hiện tượng ngày, đêm dài ngắn khác nhau. -Càng xa Xích đạo về phía hai cực sự chênh lệch độ dài ngày đêm càng rõ rệt. -Các địa điểm nằm trên đường Xích đạo quanh năm có ngày, đêm dài ngắn như nhau
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Địa phương nơi em sống mỗi năm có mấy mùa ?Đó là những mùa nào ? Thời gian mỗi mùa thường kéo dài khoảng mấy tháng ?

NỘI DUNG KIẾN THỨC TUẦN 15
(Từ 13/12 đến 18/12)
PHẦN LỊCH SỬ

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 6	**CHƯƠNG 5: VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X** **BÀI 14: NHÀ NƯỚC VĂN LANG - ÂU LẠC**

Hoạt động 1: Học sinh đọc sách giáo khoa (hoặc xem SGK trực tuyến) , đọc lại các nội dung bài đã học.	**I. NHÀ NƯỚC VĂN LANG** ***1. Sự ra đời nhà nước Văn Lang*** - Nhà nước Văn Lang ra đời vào khoảng thế kỉ VII TCN. Thủ lĩnh của bộ lạc Văn Lang đã thu phục các bộ lạc khác, tự xưng là Hùng Vương, thành lập nhà nước Văn Lang. - Phạm vi của nhà nước Văn Lang: ven sông Hồng từ Việt Trì (Phú Thọ) đến chân núi Ba Vì (Hà Nội) ngày nay. - Kinh đô của nhà nước Văn Lang thuộc Việt Trì (Phú Thọ) ngày nay. ***2. Tổ chức nhà nước Văn Lang*** - Hùng Vương chia nước làm 15 bộ, giúp việc cho vua là các Lạc hầu, Lạc tướng. Đứng đầu các chiềng, chạ là Bồ chính. Con trai vua gọi là Quan lang, con gái vua gọi là Mị nương. Xã hội bao gồm những người quyền quý, dân tự do (nông dân công xã, thợ thủ công) và nô tì. - Nhà nước Văn Lang chưa có luật pháp và quân đội. Khi có chiến tranh, nhà nước huy động thanh niên trai tráng ở các chiềng, chạ tập hợp lại cùng chiến đấu. => Nhận xét: tổ chức nhà nước Văn Lang tuy còn sơ khai, nhưng đã là tổ chức quản lý thống nhất từ trung ương đến địa phương **II. NHÀ NƯỚC ÂU LẠC.** - Năm 218 TCN, quân Tần xâm lược, nhưng bị nhân dân Tây Âu – Lạc Việt do Thục Phán lãnh đạo đánh bại. - Năm 208 TCN, Thục Phán lên ngôi hiệu An Dương Vương, tên nước là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê (Cổ Loa, Hà Nội ngày nay) - Năm 179 TCN, nước Âu Lạc bị quân Triệu Đà sát nhập vào Nam Việt.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	- Thời gian thành lập và phạm vi không gian của nhà nước Văn Lang, Âu Lạc? - Trình bày tổ chức nhà nước Văn Lang, Âu Lạc?

PHẦN ĐỊA LÍ:

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 6	**BÀI 8: THỰC HÀNH XÁC ĐỊNH PHƯƠNG HƯỚNG NGOÀI THỰC TẾ** *(HS tự học)*
Hoạt động 1: Học sinh đọc sách giáo khoa (hoặc xem SGK trực tuyến) , đọc lại các nội dung bài đã học.	**1. Xác định phương hướng dựa vào việc dùng la bàn** ***a. Hướng dẫn*** + La bàn cầm tay: kim la bàn chỉ hướng bắc (B) có màu nổi bật và các hướng (độ) khác (N, T;, Đ) trên la bàn. + La bàn trên ứng dụng ĐT thông minh: Việc sử đụng la bàn trên điện thoại thông minh đơn giản và tiện dụng hơn với la bàn thông thường. Màn hình la bàn trên điện thoại sẽ hiển thị bốn hướng chính là đông, tây, nam, bắc. Để xác định hướng cần tìm, ta mở ứng dụng la bàn, đặt điện thoại theo chiều đầu điện thoại quay về phía mà mình muốn biết phương hướng, sau đó giữ yên thiết bị. Kết quả trên màn hình sẽ hiển thị cho biết đó là hướng nào. ***b. Các bước tiến hành*** - Hướng chính của la bàn: Đông, Tây, Nam, Bắc. Thường được ký hiệu bằng chữ cái đầu tiên Đ, T, N, B hay N, E, S, W (north, east, south, west trong tiếng Anh). - HS tiến hành sử dụng la bàn xác định hướng của phòng học, hướng ngồi của HS theo sự hướng

	dẫn của GV. **2. Xác định phương hướng dựa vào quan sát hiện tượng tự nhiên** ***a. Hướng dẫn*** - Mặt trời mọc ở hướng đông và lặn ở hướng tây. - Người em đã xác định hướng bằng cách dựa vào sự đốt nóng. Vật nhận ánh sáng Mặt trời từ phía nào ấm hơn thì đó là hướng tây. - Sau khi xác định được hướng tây, người em đã xác định các hướng còn lại bằng cách: Xác định được trước mặt là hướng tây, thì bên phải là hướng bắc. - Quy tắc xác định phương hướng ngoài thực tế: + Khi Mặt trời mọc, chúng ta đứng quay mặt về phía Mặt trời nghĩa là nhìn về hướng đông, đối diện hướng đông (phía sau) là hướng tây, tay trái sẽ chỉ hướng bắc, tay phải sẽ chỉ hướng nam. + Nếu vào buổi chiều, khi Mặt Trời lặn, chúng ta cũng có thể xác định được phương hướng tương tự như khi Mặt trời mọc: hướng về phía Mặt trời là hướng tây, đối điện là hướng đông, tay phải chỉ hướng bắc, tay trái chỉ hướng nam. ***b. Các bước tiến hành*** - HS dựa vào phía Mặt trời mọc hoặc lặn, xác định hướng vào cổng trường theo sự hướng dẫn của GV.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Củng cố lại kiến thức đã học: HS quan sát Mặt trời hoặc sử dụng la bàn, xác định khi đi từ nhà đến trường, trước tiên em phải đi về hướng nào?

MÔN ANH KHỐI 6 TUẦN 14

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 6	**UNIT 4- LESSON 3**
Hoạt động 1: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.***	**I. Từ vựng** 1. Fireworks: pháo hoa 2. Decorate: trang trí 3. Lucky money: tiền lì xì 4. Parade: buổi diễu hành 5. Traditional food: món ăn truyền thống 6. Famous: nổi tiếng 7. Festival: lễ hội 8. Celebrate: tổ chức 9. Lunar New Year: tết âm lịch 10. Peach tree: cây đào

	11. Apricot tree: cây mai 12. Lion dance: múa lân 13. Excited about: hào hứng về 14. Mid-Autumn Festival: tết Trung thu 15. Lantern: đèn lồng 16. Moon cake: bánh trung thu
Hoạt động 2: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.***	**II. Bài tập** **Bài 1. Đọc đoạn văn. Đọc các câu phát biểu và chọn True/ False** The biggest festival in Vietnam is Tet. Before Tet, people buy fruits and flowers and decorate their houses. In the North of Vietnam, people buy peach trees with pink flowers. In the South, people buy apricot tree with yellow flowers. Everyone cleans their houses before Tet. During Tet, people visit their family and friends. Children wear new clothes and get lucky money. It's a great time to watch lion dances and fireworks. 1. People buy fruits and flowers during Tet. True/False 2. Every house has the same type of tree. True/False 3. People cleans their houses during Tet. True/False 4. You can watch lion dances during Tet. True/False **2. Sắp xếp các từ cho sẵn thành một câu hoàn chỉnh** VD: We/decorate/houses/Halloween. - We decorate our houses for Halloween. 1. John/sometimes/play video games/his friends/after school. _____ 2. fashion show/start/8 p.m. _____ 3. How/people/prepare/Christmas? _____ 4. How/often/you/go shopping? _____ 5. bus/leave/10a.m. _____

MÔN ANH KHỐI 6 TUẦN 15

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 6	**REVISON**
Hoạt động 1: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.***	**I. Từ vựng:** Unit 3,4 **II. Ngữ pháp:** Thì hiện tại đơn
Hoạt động 2: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.***	**III. Bài tập** **Bài 1. Fill in the blanks using the Present Simple.** 1. What time does the music performance ***start*** ? (start) 2. Does the café_____in the morning? (open) 3. The train_____at 4:45 p.m. (leave) 4. What time does the restaurant_____? (close) 5. The puppet show_____in ten minutes. (end) 6. What time does the bus _____? (leave) 7. He _____ a picnic with his family every week. (have) 8. We always _____ together to have dinner after work. (get) 9. Emma and Jane _____ best friends. (be) 10. Vietnamese people always _____ sticky rice cake at Tet? (eat) **Bài 2: Rewrite the following sentences without changing the meaning.** 1.When does the restaurant close ?

	-> What …….? 2. I go to the park once or twice on the weekends. -> I …….. 3. He always goes to school early. - >He is never…… 4. My class starts at seven and ends at eleven in the morning. - > My class lasts……. 5. He rarely goes running. - > He ……. 6. What time does the festival start ? - > When ……?

GIÁO DỤC CÔNG DÂN KHỐI 6 TUẦN 14

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	***Bài 4: TỰ LẬP (3 tiết)***
Hoạt động 1: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.***	**I. Khám phá** **1. Thế nào là tự lập** ***Câu chuyện:** ***Tự lập từ lòng yêu thương gia đình*** ***Nhận xét** *** Kết luận:** Tự lập là tự làm, tự giải quyết công việc của mình không dựa dẫm, phụ thuộc vào người khác **2. Biểu hiện của tính tự lập:** - Là sự tự tin, bản lĩnh cá nhân, dám đương đầu với những khó khăn thử thách. -Có ý chí nỗ lực phấn đấu vươn lên trong cuộc sống. - Không trông chờ, dựa dẫm, ỷ lại, phụ thuộc vào người kháC **3. Ý nghĩa của tính tự lập** -Giúp chúng ta tự tin, có bản lĩnh cá nhân. -Giúp chúng ta thành công trong cuộc sống. -Xứng đáng được người khác kính trọng. **4. Cách rèn luyện:** - Chúng ta cần chủ động làm việc. - Tự tin và quyết tâm khi thực hiện hành động. - Học sinh rèn luyện tính tự lập trong học tập, công việc và sinh hoạt hằng ngày.
Hoạt động 2: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.***	**II. Luyện tập** **Tình huống 1:** Nhà An ở gần trường nhưng bạn ấy hay đi học muộn. Khi lớp trưởng hỏi lí do, An luôn nói: “ Tại bố mẹ không gọi mình dạy” **Tình huống 2:** Đọc đề bài toán, có chỗ không hiểu. Hùng rủ Tâm đến nhờ cô giáo hướng dẫn. Tâm khuyên Hùng không nên làm như vậy. **Tình huống 3:** Khi được cô giáo phân nhóm để thực hiện các nhiệm vụ học tập, Đạt nghĩ rằng làm việc nhóm sẽ dẫn tới sự ỷ lại, dựa dẫm vào người khác nên không tích cực tham gia.

MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN KHỐI 6 TUẦN 15

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	***Bài 4: TỰ LẬP (3 tiết)***
Hoạt động 1: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.***	**I. Khám phá** **1. Thế nào là tự lập** ***Câu chuyện:** ***Tự lập từ lòng yêu thương gia đình*** ***Nhận xét** *** Kết luận:** Tự lập là tự làm, tự giải quyết công việc của mình không dựa dẫm, phụ thuộc vào người khác **2. Biểu hiện của tính tự lập:** - Là sự tự tin, bản lĩnh cá nhân, dám đương đầu với những khó khăn thử thách. -Có ý chí nỗ lực phấn đấu vươn lên trong cuộc sống. - Không trông chờ, dựa dẫm, ỷ lại, phụ thuộc vào người kháC **3. Ý nghĩa của tính tự lập** -Giúp chúng ta tự tin, có bản lĩnh cá nhân. -Giúp chúng ta thành công trong cuộc sống. -Xứng đáng được người khác kính trọng. **4. Cách rèn luyện:** - Chúng ta cần chủ động làm việc. - Tự tin và quyết tâm khi thực hiện hành động. - Học sinh rèn luyện tính tự lập trong học tập, công việc và sinh hoạt hằng ngày.
Hoạt động 2: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.***	**II. Luyện tập** **Tình huống 1:** Nhà An ở gần trường nhưng bạn ấy hay đi học muộn. Khi lớp trưởng hỏi lí do, An luôn nói: “ Tại bố mẹ không gọi mình dạy” **Tình huống 2:** Đọc đề bài toán, có chỗ không hiểu. Hùng rủ Tâm đến nhờ cô giáo hướng dẫn. Tâm khuyên Hùng không nên làm như vậy. **Tình huống 3:** Khi được cô giáo phân nhóm để thực hiện các nhiệm vụ học tập, Đạt nghĩ rằng làm việc nhóm sẽ dẫn tới sự ỷ lại, dựa dẫm vào người khác nên không tích cực tham gia.

MÔN CÔNG NGHỆ KHỐI 6 TUẦN 14

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	**BÀI 5: BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TRONG GIA ĐÌNH(T3)**
Hoạt động 1: Đọc tài liệu Sgk, và quan sát các hình ảnh	3. Thực hành chế biến món ăn không sử dụng nhiệt 3.1 Quy trình chung: Bước 1: Sơ chế nguyên liệu Bước 2: Chế biến món ăn Bước 3: Trình bày món ăn 3.2 Yêu cầu kĩ thuật - Món ăn ráo nước, có độ giòn và không bị nát. - Có mùi thơm đặc trưng của nguyên liệu.

	- Có màu sắc đặc trưng của từng ngyên liệu. - Vị vừa ăn 3.3 Các bước chế biến (tham khảo sách giáo khoa trang 38,39)
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	1/ Em hãy nêu qui trình chung khi thực hành món ăn không sử dụng nhiệt? 2/ Em hãy thực hiện món ăn không sử dụng tại gia đình dưới sự hướng dẫn của phụ huynh. Chú ý an toàn trong quá trình thực hành tại gia đình.

MÔN CÔNG NGHỆ KHỐI 6 TUẦN 15

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	**Dự án 2: MÓN ĂN CHO BỮA CƠM GIA ĐÌNH**
Hoạt động 1: Đọc tài liệu Sgk, và quan sát các hình ảnh	- Xây dựng bữa ăn hợp lí + Bữa ăn đủ 4 nhóm: đạm, béo, đường bột, vitamin và chất khoáng với tỉ lệ thích hợp lí. + Đủ các món ăn chính canh, mặn, xào.(món ăn kèm) ***Thực hiện một món ăn với phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt. - Tìm hiểu nguyên liệu cần sử dụng và cách thực hiện món ăn. - Chế biến và trình bày món ăn -->Thuyết minh về món ăn đã thực hiện
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	1/ Bữa ăn dinh dưỡng hợp lí có những yêu cầu gì? 2/ Thực hiện được món ăn không sử dụng nhiệt (Chú ý an toàn trong quá trình thực hiện)

MÔN ÂM NHẠC KHỐI 6 TUẦN 14 +15

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 6	**ÔN TẬP**
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu	+ Hs theo dõi clip bài hát và tập đọc nhạc theo các đường link để chuẩn bị KTHKI 1) Bài hát: - Niềm tin thắp sáng trong tim em (https://youtu.be/qs1uiuBc5nI) - Đi cắt lúa * Bản chậm, không lời : (https://youtu.be/nDGYiHFzcYg) * Bản nhanh, có lời : (https://youtu.be/t6tDPVwmmoI) 2) Tập đọc nhạc: - Bài đọc nhạc số 3 : (https://youtu.be/xm5ngnXwZb4)
Hoạt động 2: **Thực hành**	- Luyện tập nhiều lần trước khi thực hiện clip KTHKI

	* Vỗ đệm bài hát "Niềm tin thắp sáng trong tim em" theo đường link: https://youtu.be/dV23Vj7O2sk 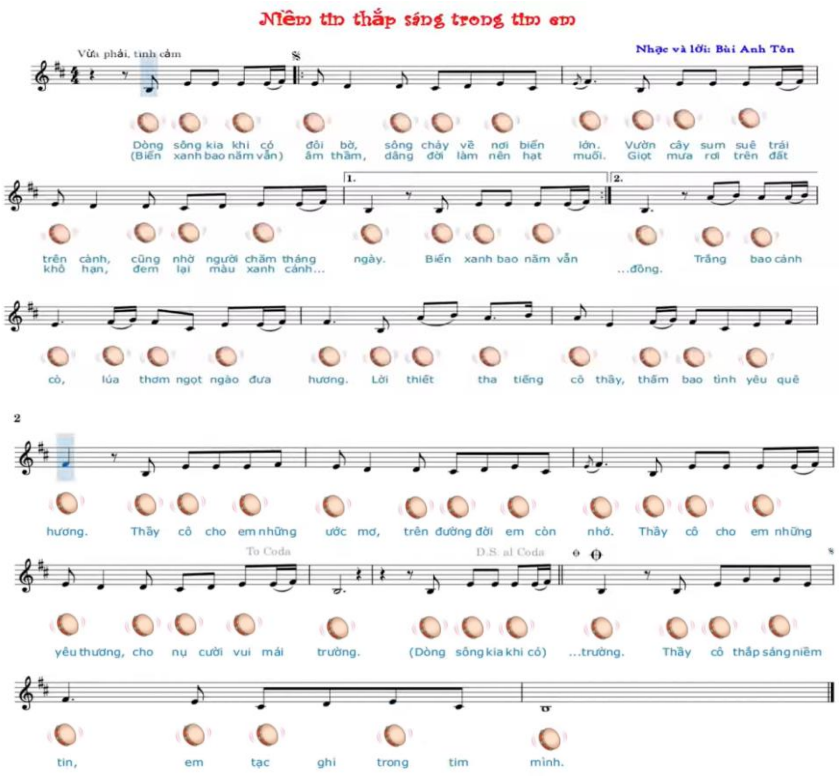 * Thực hành động tác minh họa bài "Đi cắt lúa": Các em có thể xem các động tác minh họa để luyện tập theo đường link: https://youtu.be/JNw1tTItsVQ * Thực hành đọc nhạc kết hợp ký hiệu bàn tay (Phương pháp Kodály) 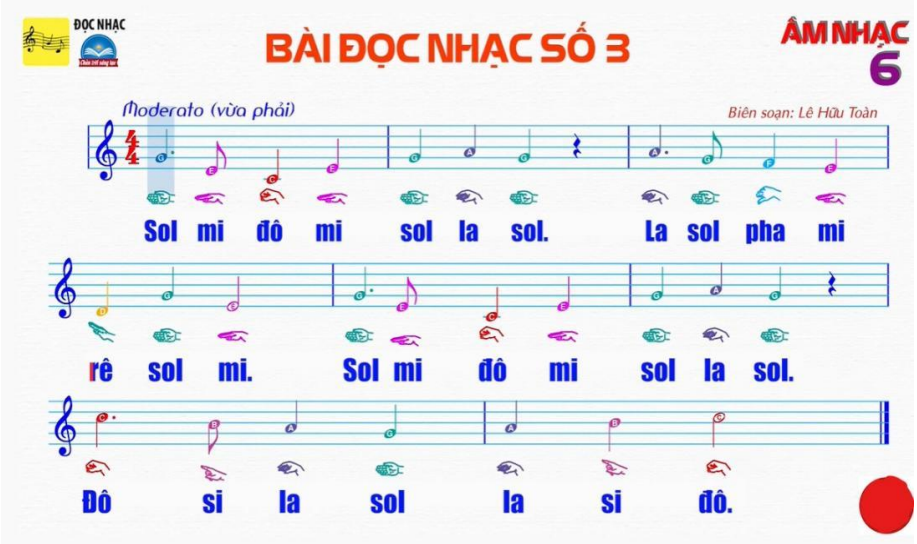

MÔN MỸ THUẬT KHỐI 6 TUẦN 14

NỘI DUNG	GHI CHÚ
	CHỦ ĐỀ: NGHỆ THUẬT TIỀN SỬ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM. **Bài: Túi Giấy Đựng Quà Tặng** (Tiết 2)
Hoạt động 1: TÌM HIỂU	**1. Khám phá cách tạo hình thời trang đơn giản.**

BÀI	- Nhận biết được quy trình thiết kế tạo dáng và trang trí một sản phẩm túi giấy phục vụ đời sống. **2. Cách thiết kế tạo dáng túi đựng bằng giấy.** - Các bước thiết kế, tạo dáng túi đựng bằng giấy : + Xây dựng ý tưởng + Phác thảo, xác định kiểu dáng, kích thước túi + Triển khai bản vẽ kĩ thuật (đơn vị đo :mm) + Cắt, gấp, dán và hoàn thiện sản phẩm. **3. Thiết kế tạo dáng và trang trí túi giấy với hình vẽ thời Tiền sử.** - Có thể dùng mô phỏng đã thực hiện ở bài trước làm họa tiết trang trí sản phẩm thời trang. **4. Trưng bày sản phẩm và chia sẻ.** - HS giới thiệu, phân tích, chia sẻ cảm nhận của cá nhân về: + Sản phẩm thời trang yêu thích. + Sự độc đáo của sản phẩm thời trang. + Màu sắc, tỉ lệ hình mô phỏng trên sản phẩm **5. Tìm hiểu quy trình thiết kế mẫu một sản phẩm công nghiệp.** - Hình trang trí góp phần làm tăng vẻ đẹp trên sản phẩm thời trang.
Hoạt động 2: THỰC HÀNH BÀI VẼ Lưu ý: Học sinh có thể sử dụng giấy vẽ hoặc giấy tập	**BÀI TẬP:** - Em hãy sử dung hình vẽ thời tiền sử trang trí lên túi giấy đựng quà mà em thích.

MÔN MỸ THUẬT KHỐI 6 TUẦN 15

NỘI DUNG	GHI CHÚ
	CHỦ ĐỀ: LỄ HỘI QUÊ HƯƠNG **Bài: Nhân vật 3D từ dây thép**
Hoạt động 1: TÌM HIỂU BÀI	**1. Gấp giấy và vẽ hình người đơn giản.** **2. Cách tạo nhân vật 3D từ dây thép.** - Kết hợp dây thép và giấy có thể tạo được nhân vật 3D diễn tả được các hoạt động của nhân vật. - Các bước tạo nhân vật 3D từ dây thép : + Cắt một đoạn dây thép dài khoảng 1,5m để làm khung xương cho nhân vật theo hình vẽ ở hoạt động 1. + Tạo hình đầu, cổ nhân vật từ khoảng giữa dây thép. + Từ cổ tạo vai, tay, thân, hông, chân và các khớp bằng cách xoắn dây thép tương ứng với các vị trí đánh dấu trên hình vẽ. Đoạn dây còn lại quấn tạo khối cho phần thân. + Tạo hình khối cho nhân vật bằng cách quấn giấy.

	 3. Tạo hình nhân vật 3D yêu thích. **4. Trưng bày sản phẩm và chia sẻ.** - HS giới thiệu, phân tích, chia sẻ cảm nhận của cá nhân về: + Sản phẩm + Sự độc đáo của sản phẩm + Màu sắc, tỉ lệ hình mô phỏng trên sản phẩm **5. Tìm hiểu tác phẩm điêu khắc:** - HS quan sát các tác phẩm và đọc nội dung tóm tắt ở trang 35 SGK Mĩ thuật 6 để nhận biết và chia sẻ cảm nhận về nét biểu cảm và hình thức thể hiện tác phẩm của nhà điêu khắc.
Hoạt động 2: THỰC HÀNH BÀI VẼ	**BÀI TẬP:** Em hãy tạo hình 1 nhân vật yêu thích.

MÔN THỂ DỤC KHỐI 6 TUẦN 14

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	**Bóng ném** **KĨ THUẬT RA SỨC CUỐI CÙNG**
Hoạt động 1: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.***	**I. KHỞI ĐỘNG** + Chạy chậm vòng quanh sân trường. + Các động tác xoay các khớp theo thứ tự từ trên xuống dưới bao gồm đầu, cổ, tay, vai, hông, gập duỗi gối, cổ tay – cổ chân. **II. KĨ THUẬT RA SỨC CUỐI CÙNG** Kĩ thuật ném bóng bao gồm bốn giai đoạn: chuẩn bị, chạy đà, ra sức cuối cùng, giữ thăng bằng. **Kĩ thuật ra sức cuối cùng :** - Giai đoạn ra sức cuối cùng bắt đầu từ khi chân bên tay không cảm bóng tiếp đất, sau đó xoay hông và ưỡn căng thân quay về hướng ném. Lúc này, tay cầm bóng, thân trên và chân sau tạo thành hình cánh cung. Sau đó gập nhanh thân

	trên để ném bóng lên cao ra xa và hướng vào khu vực quy định.bằng. **II. Trò chơi : Ném túi cát** Dụng cụ: Vòng nhựa, túi cát (tương ứng số lượng học sinh). Cách thực hiện: Người chơi chia thành các nhóm. Từ vị trí xuất phát ban đầu tiên chạy lên nhặt một túi cắt rồi đến vị trí ném, ném chính xác túi cát vào trong vòng tròn. Nếu ném ra ngoài thì nhặt lại, trở về vị trí ném và tiếp tục ném cho đến khi túi cát vào trong vòng. Sau đó chạy về vạch xuất phát chạm tay bạn tiếp theo và về đứng ở cuối hàng. Các bạn lần lượt thực hiện cho đến hết nhóm. Nhóm nào thực hiện nhanh nhất là chiến thắng.
Hoạt động 2: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.***	Ôn lại các kiến thức về kỹ thuật ra sức cuối cùng môn bóng ném

MÔN THỂ DỤC KHỐI 6 TUẦN 15

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	**Bóng ném** **KĨ THUẬT GIỮ THĂNG BẰNG**
Hoạt động 1: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.***	**I. KHỞI ĐỘNG** + Chạy chậm vòng quanh sân trường. + Các động tác xoay các khớp theo thứ tự từ trên xuống dưới bao gồm đầu, cổ, tay, vai, hông, gập duỗi gối, cổ tay – cổ chân. **II. KĨ THUẬT RA SỨC CUỐI CÙNG** - Giữ thăng bằng bằng chân trước: Sau khi ném bóng, chân trước trụ vững, thân trên ngả nhiều ra trước, tay không cầm bóng đánh nhanh ra sau để giữ thăng bằng. - Giữ thăng bằng bằng nhảy đổi chân: Sau khi ném bóng, nhanh chóng nhảy đổi chân, thân trên ngả nhiều ra trước, tay không cầm bóng đánh nhanh ra sau để giữ thăng bằng. **IlI. Trò chơi : QUỲ NÉM** • Mục đích: Phát triển sức mạnh tay – ngực, tinh thần đồng đội. • Dụng cụ: Quả bóng lớn, thảm hoặc đệm mềm, thước dây, phấn viết (hoặc băng keo màu). Cách thực hiện: Người chơi chia thành các nhóm. Lần lượt mỗi bạn thực hiện quỷ gối lên miếng đệm (hoặc bề mặt mềm, êm) và ném bóng về trước. Ghi nhận lại thành tích của các lần ném. Điểm của nhóm bằng tổng điểm của các bạn trong nhóm. Nhóm nào có tổng thành tích ném cao nhất là chiến thắng.

	IV. Luyện tập nhóm – Tổ chức lớp thành các nhóm nhỏ theo đội hình hàng dọc và cho học sinh luyện tập theo tuần tự các bài tập từ đơn giản đến phức tạp, từ không cầm dụng cụ đến cầm dụng cụ mô phỏng và dụng cụ thật. – Chú ý học sinh khi ném bóng phải tuân theo hiệu lệnh và cùng thực hiện. Chỉ đi nhặt lại dụng cụ sau khi cả nhóm đã ném. –Tổ chức luyện tập các nội dung: + Thực hiện kĩ thuật ra sức cuối cùng tại chỗ. + Thực hiện kĩ thuật ra sức cuối cùng tại chỗ ném bóng vào khu vực quy định. + Phối hợp thực hiện kĩ thuật ra sức cuối cùng tại chỗ ném bóng vào khu vực quy định và giữ thăng bằng.
Hoạt động 2: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.***	Ôn lại các kiến thức về kỹ thuật giữ thăng bằng môn bóng ném

MÔN TIẾNG PHÁP KHỐI 6 TUẦN 14

CONNAISSANCES LINGUISTIQUES: L'EXPRESSION DE LA NEGATION

FORME AFFIRMATIVE	FORME NEGATIVE
Ex : J'aime le travail.	NE … PAS Ex: Je n'aime pas le travail
Quelque chose **Tout** *Ex : Je comprends tout.*	NE … RIEN Ex: Je ne comprends rien
Quelqu'un **Tout le monde** *Ex : Je vois quelqu'un.*	NE … PERSONNE Ex: Je ne vois personne.
Souvent	NE … JAMAIS

Toujours **Parfois** *Ex : Je vais souvent au cinéma.*	Ex: Je ne vais jamais au cinéma.
Encore *Ex : Il travaille encore dans la même entreprise.*	**NE ... PLUS** Ex: Il ne travaille plus dans la même entreprise.
Déjà *Ex : Le bébé parle déjà.*	**NE ... PAS ENCORE** Ex: Le bébé ne parle pas encore.
Et *Ex : J'aime le chocolat et les poires.*	**NE ... NI ... NI** Ex: Je n'aime ni le chocolat ni les poires.

Écrivez ces phrases suivantes à la forme négative

1. Il connaît tout le monde. ***Il ne connaît personne.***
2. Il sait tout. ……
3. Le garçon a salué tout le monde. …….
4. Il vient souvent chez nous. ……...
5. Ils ont dit la vérité. ……
6. Ce musée est toujours plein. ……
7. Elle aime le chinois. ……..…
8. Il va souvent à la bibliothèque. …….
9. Je vois quelqu'un devant le musée. ……..
10. Il a quelque chose à dire. ……..
11. J'invite tout le monde. ……..
12. Il comprend tout. ……..

13. Nous mangeons quelque chose. …….....

14. Tu es préoccupé. ……...

15. Il a dit quelque chose. ……...

16. Je prépare tout pour le week-end. ……

17. Il sort toujours. ……..

18. Elle lui téléphone toujours. ……...

19. Tu aimes tout le monde. ……...

20. Nous travaillons beaucoup. ……...

21. Elle déjeune avec nous. ……

22. Nous arrivons toujours à l'heure. …….

23. Il a donné le livre. …….

24. J'ai mangé le fromage. ……..

25. Nous saluons tout le monde. …….

26. L'enfant mange tout. ……

PRODUCTION ORALE:

Qu' est - ce que tu as fait la semaine dernìere?

MÔN TIẾNG PHÁP KHỐI 6 TUẦN 15

RÉVISION

I. Précisez la nature des déterminants

1. Au début, c'était le chaos. .....
2. Au commencement était donc ce néant. .....
3. Un dieu y mit de l'ordre. .....
4. Ensuite, Gaia apparut avec ses formes généreuses. .....
5. Précisément, huit enfants virent le jour. .....
6. Ces naissances complétèrent l'univers. .....
7. Le vélo de Barnabé est cassé : il l'avait mal rangé. .....
8. Ces perroquets sont bavards. .....
9. Ma chienne allaite ses petits. .....

10. Cet oiseau, quel beau plumage ! .....
11. Lenny prépare les ballons pour un jeu. .....
12. Je ne vois aucune trace de pas. .....
13. Samia a perdu ses clefs dans cette rue. .....
14. Est elle a gagné quelques euros? .....
15. Cela fait dix jours qu'il est malade. .....
16. Leurs vacances ont commencé il y a quelques jours. .....

II. Trouver la question qui correspond à la réponse

1. Je m' appelle Marie .....
2. J' ai 12 ans .....
3. Je vais bien .....
4. Mon professeur principal est belle .....
5. Je vais à la piscine à vélo .....
6. Ce tetéphone portable coute 2 millions .....
7. Il est 14 heures .....
8. Mon père travaille à Hanoï . .....
9. Il est malade parce qu'il a marché sous la pluie . .....
10. Chaque matin , je me réveille à 5 heures . .....
11. C' est un stylo .....
12. C' est la trousse .....
13. Nous rentrons en métro .....
14. J' ecoute la musique .....
15. Ces gants appartiennent à Mme X .....
16. Nous parlons de Julien .....
17. J' habite à Hô Chi Minh ville .....
18. Les enfants aiment les animaux. .....
19. Ils s'entraînent dans la cour. .....
20. Ce bouquet est pour Maman. .....
21. Le film commence à 20 heures. .....
22. Le pâtissier fait les meilleurs gâteaux. .....

III. PASSÉ COMPOSÉ

1. Je avoir ..... soif et je prendre ..... un café.
2. Tu vouloir ..... me voir, tu arriver ..... tôt.

3. Il prendre ..... son parapluie et il sortir ..... .

4. Ils aller ..... en vacances l'été dernier.

5. Il devoir ..... téléphoner au médecin.

6. Vous étudier ..... bien et vous réussir ..... facilement.

7. Nous commencer ..... un nouveau cours.

8. Ils venir ..... souvent nous visiter.

9. Vous faire ..... de l'exercice physique.

10. Tu tousser ..... continuellement.

11. On devoir ..... écouter nos parents.

12. Nous réfléchir ..... et nous choisir ..... un bonbon.

13. Il pleuvoir..... et je attendre ..... l'autobus.

14. Hier soir, nous manger ..... tôt.

15. Elles appeler ..... leurs amis.

16. Ma sœur conduire ..... vite et mes frères conduire ..... lentement.

17. Je ouvrir ..... la porte et le chien courir ..... à l'extérieur.

18. Elles finir ..... leurs devoirs et ils sortir ..... jouer.

19. Il croire ..... que nous avoir ..... raison.

20. Le petit chat plaire ..... à mes parents.

21. Quand le téléphone sonner ....., on répondre ..... .

22. Alors, tu voir ..... le film, tu écrire ..... un texte et tu décrire ..... l'histoire.

23. Tu ne oublier ..... pas ! Tu nettoyer ..... la maison.

24. Le héros mourir ..... à la fin du film.

25. Vous devoir ..... de l'argent à tous vos amis.

26. Tu descendre ..... l'escalier et tu tourner ..... à gauche.

27. Quand je lire ....., je découvrir ..... de nouvelles choses.

28. Je perdre ..... mon temps : je ne faire ..... rien.

29. Vous pleurer ..... beaucoup. Pourquoi ?

30. Mes frères vendre ..... leurs articles de sport.

IV. IMPARFAIT

1. Nous vouloir ..... visiter le musée et nous devoir ..... payer l'entrée.

2. Vous être ..... une très jolie jeune femme.

3. Ils faire ..... une grande fête à chaque année.

4. Tu entendre ..... ce bruit ? Je comprendre ..... des mots...

5. Tu penser ..... toujours à ton amoureux.

6. Mes voisins vouloir ..... quitter le pays.

7. Tu remplir ..... le pot d'eau et tu mettre ..... des glaçons.

8. Je promettre ..... de dire la vérité.

9. Chaque soir, je lire ..... un peu et je dormir ..... sur le divan.

10. Ils finir ..... le jardinage et ils rentrer ..... se laver.

11. Tu envoyer ..... un message à tes amis.

12. Tu prendre ..... une douche et tu aller ..... au lit.

13. Quand on être ..... petit, on apprendre ..... à marcher.

14. Nous vivre ..... au Canada ; ce être ..... un pays nordique.

Ils faire ..... à manger et ils nettoyer ..... toujours la cuisine.

V. Quel est le type de phrase?

	phrase déclarative	**phrase interrogative**	**phrase exclamative**	**phrase impérative**
1. A quelle heure part le train pour Bruxelles?				
2. Le train part à cinq heures.				
3. Regarde ces deux robes.				
4. Qu'elles sont belles avec leurs couleurs vives!				
5. Ne parlez pas tous en même temps.				
6. Je n'entends plus rien avec tout ce bruit.				
7. Michèle aimerait habiter à la campagne.				
8. Les clients mettent-ils beaucoup de sucre dans leur				
9. Comme tu as raison!				
10. Comment faut-il comprendre vos paroles?				
11. Ne soyez pas trop lents pour venir.				
12. Inscrivez ce rendez-vous dans votre agenda.				
13. C'est donc toi qui as acheté cette belle voiture!				
14. Comme il a grandi depuis quelques mois!				
15. Penseras-tu à féliciter Paul pour son anniversaire?				

16. Pour son exposé, Richard reçoit les félicitations de tous ses collègues.				
17. Ne revenez pas avant d'avoir trouvé votre argent!				
18. Pour aller au centre ville, tournez à gauche.				
19. La Poste est à deux cents mètres de là.				
20. Mais ne garez pas votre voiture devant l'entrée.				
21. Je veux que vous m'aidiez.				
22. Aidez-moi.				
23. Je vous défends de marcher sur le mur.				
24. Ne marchez pas sur le mur.				
25. Combien coûtent les albums de photos comme celui- ci?				